

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 04/FES(VN)/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH FES (Việt Nam)

Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (0274) 3767 168 – (0274) 3767 188 Fax: (0274) 3767 128.

Website: www.maccoffee.vn.

Mã số doanh nghiệp: 3700605006

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

Ngày cấp/Nơi cấp: Không áp dụng.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH**

2. Thành phần: Nước bão hòa CO₂, đường, đường HFCS, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(iii)), hương liệu (hương chanh giống tự nhiên và tự nhiên, hương nước chanh tự nhiên), hỗn hợp vi chất có chứa cafein (Taurin (500 mg/l), Cafein^(*), Inositol, các Vitamin: B3, B6, B12), chiết xuất chanh vàng dạng bột (1000 mg/l), chất làm dày (440), chất bảo quản (202, 211), hỗn hợp chất nhũ hóa để tạo đục (Medium chain triglycerides (chất béo chuỗi trung bình), 1450, 445(iii), 330, 307c, 211), chất tạo phức kim loại (452(i), 385), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), cafein^(*), màu tổng hợp (102).

^(*) **Tổng cafein: 200 mg/l.**

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 9 tháng kể từ ngày sản xuất.

- Hạn sử dụng (HSD): Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất (NSX): 9 tháng trước hạn sử dụng (HSD).

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

4.1. Quy cách bao gói:

- Dạng chai: 330 ml/chai
- Sản phẩm hoàn chỉnh được chứa trong các thùng carton cho mục đích vận chuyển với quy cách đóng thùng: 7,92 L (4 lốc x 6 chai x 330 ml)

4.2. Chất liệu bao bì:



Sản phẩm chứa trong chai nhựa PET và nắp nhựa PE. Chất liệu bao bì tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm phù hợp theo quy định do Bộ Y tế ban hành.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ECONUTI.

Địa chỉ: Lô 26C, đường số 9, Khu công nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia:

- QCVN 6-2:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn (Phụ lục I.1; II).
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Mục 2.28; 4.13).

2. Tiêu chuẩn nhà sản xuất: Theo tiêu chuẩn sản phẩm số 04/FES(VN)/2026/TCSP ngày 22/07/2026 (Được đính kèm theo hồ sơ tự công bố).

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 07 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Nguyễn Ngọc Hân

Giám đốc nhà máy



CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM	Số: 04/FES(VN)/2026/TCSP
	THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH	Có hiệu lực kể từ ngày hoàn tất thủ tục tự công bố và/ hoặc thủ tục thông báo bằng văn bản đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền

1. Phạm vi:

Các chỉ tiêu và mức công bố áp dụng cho sản phẩm THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH.

2. Các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm:

2.1. Các chỉ tiêu vi sinh vật:

Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ Y tế (Phụ lục II).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ml	100
2	<i>Coliform</i>	cfu/ml	10
3	<i>E. coli</i>	cfu/ml	Không có
4	<i>Streptococci faecal</i>	cfu/ml	Không có
5	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	cfu/ml	Không có
6	<i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ml	Không có
7	<i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ml	Không có
8	Tổng số nấm men và nấm mốc	cfu/ml	10

2.2. Các chỉ tiêu kim loại nặng:

Theo QCVN 6-2:2010/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với các sản phẩm đồ uống không cồn, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2010/TT-BYT ngày 02 tháng 06 năm 2010 của Bộ Y tế (Phụ lục I.1).

Theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm, ban hành kèm theo Thông tư số 02/2011/TT-BYT ngày 13 tháng 01 năm 2011 của Bộ Y tế (Mục 2.28; 4.13).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Hàm lượng Chì (Pb)	mg/l	0,05

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
2	Hàm lượng Cadimi (Cd)	mg/l	1,0
3	Hàm lượng Thủy ngân (Hg)	mg/l	0,1

3. Các chỉ tiêu về dinh dưỡng:

3.1. Các chỉ tiêu thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng:

Chỉ tiêu công bố, mức công bố: Chiếm 71 % so với giá trị tối thiểu của kết quả kiểm có trên phiếu kiểm nghiệm.

Theo Thông tư 30/2026/TT-BYT Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm ngày 09 tháng 07 năm 2026 của Bộ Y tế.

Theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2020: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP, ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Tại khoản 5, Điều 49: Giá trị dùng để công bố dinh dưỡng.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị	Mức công bố
1	Năng lượng	kcal/100 ml	44,52	$\geq 31,61$
2	Chất đạm	g/100 ml	0,1	0,07 – 0,50
3	Carbohydrat	g/100 ml	11,03	$\geq 7,83$
4	Đường tổng số	g/100 ml	10,96	$\geq 7,78$
5	Chất béo	g/100 ml	Không phát hiện, (Giới hạn định lượng LOQ = 0,05)	$< 0,05$
6	Natri	mg/100 ml	35,6	$\geq 25,28$

Lưu ý: Mức công bố này chỉ phù hợp trong điều kiện được bảo quản theo đúng hướng dẫn sử dụng và bảo quản được in trên nhãn sản phẩm là “Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nắng chiếu trực tiếp và nhiệt độ cao” và còn nguyên bao bì gốc.

1006050
CÔNG
TNH
S (VIỆT
ĐÌNH

3.2. Các chỉ tiêu dinh dưỡng của các chất bổ sung:

- Chỉ tiêu công bố, mức công bố cho hàm lượng - Taurin, Inositol, Vitamin (B3, B6, B12): Chiếm 71% theo hàm lượng mục tiêu được xây dựng trong tiêu chuẩn nguyên liệu và tương ứng với định lượng thực tế các chất có trong nguyên liệu (Hỗn hợp vi chất có chứa cafein) được cho vào sản phẩm.

Theo Nghị định số 98/2020/NĐ-CP, ban hành ngày 26 tháng 08 năm 2020: Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

Theo TCVN 7088:2025, ban hành năm 2025: Hướng dẫn ghi nhãn dinh dưỡng.

Theo Thông tư 43/2014/TT-BYT Quy định quản lý về thực phẩm chức năng ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế.

Theo Nghị định 37/2026/NĐ-CP, ban hành ngày 23 tháng 01 năm 2026: Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa tại khoản 5, Điều 49: Giá trị dùng để công bố dinh dưỡng.

- Chỉ tiêu công bố, mức công bố cho hàm lượng cafein: Bảng 2, khoản 4.3 Yêu cầu về lý – hóa theo TCVN 12828:2019, ban hành năm 2019: Nước giải khát.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị	Mức công bố
1	Taurin	mg/l	500,00	$\geq 355,00$
2	Inositol	mg/l	25,00	$\geq 17,75$
3	Vitamin B3 (Nicotinamide)	mg/l	10,00	$\geq 7,10$
4	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochlorid)	mg/l	1,50	$\geq 1,07$
6	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	mg/l	2,00	$\geq 1,42$
7	Cafein	mg/l	200,00	Từ 145 đến 320

Lưu ý: Mức công bố này chỉ phù hợp khi sản phẩm được bảo quản theo đúng hướng dẫn được in trên nhãn sản phẩm là “Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nắng chiếu trực tiếp và nhiệt độ cao”.



NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH

THỰC PHẨM BỔ SUNG

THÔNG TIN DINH DƯỠNG (NUTRITION FACTS)

Tổng số khẩu phần ăn: 1		
Kích cỡ một khẩu phần ăn: 330 ml		
Thành phần dinh dưỡng	Trên một phần ăn	% Giá trị dinh dưỡng tham chiếu (NRV)
Năng lượng (Energy)	146,92 Kcal	7,35 %
Carbohydrate	36,40 g	11,20 %
Dường tổng số (Total Sugars)	36,17 g	
Natri (Sodium)	117,48 mg	5,87 %
Inositol	8,25 mg	
Vitamin B3	3,30 mg	22,00 %
Vitamin B6	0,50 mg	38,46 %
Vitamin B12	0,66 µg	27,50 %

% giá trị dinh dưỡng tham chiếu (Nutrient reference values - NRV) là % lệ áp dụng như cầu dinh dưỡng hàng ngày (với khẩu phần 2000 Kcal) của mỗi thành phần dinh dưỡng có trong một phần ăn.

Hướng dẫn sử dụng: Uống trực tiếp, ngon hơn khi uống lạnh.
Thành phần: Nước bao hòa O2, đường, đường HFCS, chất điều chỉnh độ acid (330, 331(ii)), hương liệu (hương chanh giống tự nhiên và tự nhiên, hương nước chanh tự nhiên), hỗn hợp vitamin B3, B6, B12, chất xuất chiết vàng dạng bột (1000 mg/l), chất làm dày (440), chất bảo quản (202, 211), hỗn hợp chất nhũ hóa để tạo độ (Medium chain triglycerides (chất béo chuỗi trung bình), 1450, 445(ii), 330, 307c, 211), chất tạo phức kim loại (450), 395), chất tạo ngọt tổng hợp (950, 955), caffeine*, màu tổng hợp (102).
 * Tổng caffeine: 200 mg/l.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có thể không phù hợp với người nhạy cảm với caffeine, trẻ em và phụ nữ đang mang thai. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

Lượng dùng khuyến nghị: Sử dụng theo nhu cầu, khuyến nghị 1 chai/ngày đối với người trưởng thành.

Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh nắng chiếu trực tiếp và nhiệt độ cao.

Sản xuất tại Việt Nam

Sản xuất tại: CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM ECONUTRI
 Địa chỉ: Lô 26C2, công số 9, Khu công nghiệp Tân Đức, Xã Đức Hoà,
 Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam.

Chịu trách nhiệm về hàng hoá bởi:

Công ty TNHH FES (Việt Nam)
 Địa chỉ: Số 11, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore,
 P. Bình Hoà, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (+84) 274 3767188 - Fax: (+84) 274 3767128

HSD: Xem trên bao bì.

NSX: 9 tháng trước HSD.

Theo nhượng quyền của FUTURE ENTERPRISES PTE. LTD.

(A member of Food Empire Holdings Limited)

ISO 22000 - HACCP

8 936024 247126

www.foodempire.vn

Quality Product of Food Empire

THỰC PHẨM BỔ SUNG

330 ml

NƯỚC TĂNG LỰC VỊ CHANH



HƯƠNG VỊ CHANH TƯƠI

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

THỰC PHẨM BỔ SUNG

HILLWAY®

ZAPP™

Taurine
Vitamin B3
Vitamin B6, B12



FRESH LEMON FLAVOR

ENERGY DRINK LEMON FLAVOR

Product image is for illustrative purposes only

FOOD SUPPLEMENTS



Số: 026732 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11417.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 31/03/2026-14/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	AOAC 966.23 (a)	< 1	CFU/ml
2	Coliforms	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a)	< 1	CFU/ml
3	<i>Escherichia coli</i>	AOAC 991.14, TCVN 9975:2013 (a)	< 1	CFU/ml
4	<i>Clostridium perfringens</i>	AOAC 976.30 (a)	< 1	CFU/ml
5	<i>Staphylococcus aureus</i>	AOAC 975.55 (a)	< 1	CFU/ml
6	<i>Pseudomonas aeruginosa</i>	HD.PP.08-02/TT.VS (Ref. TCVN 8881:2011; ISO 16266:2010) (a)	< 1	CFU/ml
7	<i>Streptococci faecal</i> (<i>Enterococci faecal</i>)	HD.PP.07-02/TT.VS (Ref. TCVN 6189-2:2009; ISO 7899-2:2000) (a)	< 1	CFU/ml
8	Định lượng nấm men và nấm mốc	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008) (a)	< 1	CFU/ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhãn sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- < 1 CFU /ml : được xem như không phát hiện.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016894/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **02-07-2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 026733/VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11418.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 mL
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 31/03/2026-14/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Arsen (As) tổng	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
2	Cadimi (Cd)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
3	Thủy ngân (Hg)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l
4	Chì (Pb)	HD.PP.16/TT.AAS (a)	Không phát hiện LOD = 0,01	mg/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhân sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016895/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **02-07-2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 026739 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11425.26



VILAS 219

Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm: 31/03/2026-15/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Carbohydrate	AOAC 2020.07 (a)	11,03	g/100 ml
2	Chất béo/Lipid	HD.PP.6-8/TT.LH:2024 (Ref. AOAC 989.05) (a)	Không phát hiện LOQ = 0,05	g/100 ml
3	Năng lượng	HD.PP.11-1/TT.LH (Regulation (EU) No 1169/2011)	44,52	kcal/100 ml
4	Chất đạm/Protein	HD.PP.13/TT.LH (Ref. AOAC 991.20)	0,10	g/100 ml (Nx6,25)
5	Natri (Na)	HD.PP.36/TT.AAS:2024 (Ref. AOAC 985.35, AOAC 984.27) (a)	35,6	mg/100 ml
6	Đường tổng số	HD.PP.20/TT.SK:2024 (Kỹ thuật HPLC-ELSD) (a)	10,96	g/100 ml

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhãn sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016902/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày02-07-2026...

TUQ. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 026736 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11421.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 07 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 31/03/2026-14/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

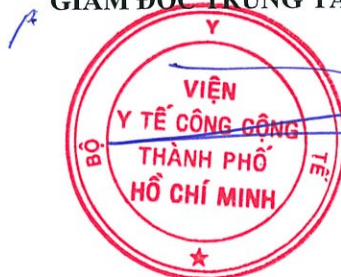
Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Vitamin B ₆ (Pyridoxine hydrochloride)	HD.PP.23/TT.SK:2023 (a)	2,86	mg/l
2	Vitamin B ₁₂ (Cyanocobalamin)	HD.PP.43/TT.VS:2024 (Ridascreen® Fast Vitamin B12 kit - rBiopharm) (a)	4,45	µg/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhân sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016898/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **02-07-2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 026735 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11420.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm: 31/03/2026-14/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Vitamin B ₃ (Nicotinamide)	HD.PP.23/TT.SK:2023 (a)	13,24	mg/l
2	Inositol	HD.PP.42/TT.SK:2023 (a)	25,47	mg/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhãn sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016897/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày02-07-2026....

TUO. VIỆN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC VIỆN Y TẾ CÔNG CỘNG

THÀNH PHỐ
HỒ CHÍ MINH

TS. Nguyễn Đức Thịnh

Số: 026734 /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số mẫu: 11419.26



Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)
Địa chỉ : SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE, PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
Tên mẫu : THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Băng
Thời gian lưu mẫu : 05 ngày kể từ ngày ban hành kết quả
Thời gian thử nghiệm : 31/03/2026-14/04/2026

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Stt	Chỉ tiêu	Phương pháp	Kết quả	Đơn vị
1	Taurin (Taurine)	HD.PP.05/TT.SK:2023 (Ref. AOAC 997.05) (a)	490,98	mg/l
2	Cafein (Caffeine)	HD.PP.01/TT.SK:2023 (a)	203,90	mg/l

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhãn sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726
- Quá thời hạn lưu mẫu (hoặc không có mẫu lưu), Viện Y tế công cộng TP. Hồ Chí Minh sẽ không giải quyết khiếu nại về kết quả kiểm nghiệm.
- (a) Phép thử đã được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017.
- Phiếu kết quả kiểm nghiệm này thay thế phiếu kết quả kiểm nghiệm số 016896/VYTCC ban hành ngày 07/05/2026

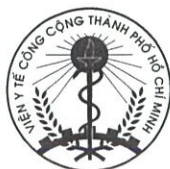
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ...02-07-2026....

TUO. VIỆN TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM ATTP KVPN



TS. Phan Bích Hà

Số: **016906** /VYTCC



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
Mã số mẫu: 11425.26



Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)**
Địa chỉ : **SỐ 11, ĐƯỜNG SỐ 8, KHU CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM - SINGAPORE,
PHƯỜNG BÌNH HÒA, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM**
Tên mẫu : **THỰC PHẨM BỔ SUNG: NƯỚC TĂNG LỰC HILLWAY ZAPP VỊ CHANH**
Ngày lấy mẫu : 26/03/2026
Lượng mẫu : 02 chai x 330 ml
Ngày nhận mẫu : 31/03/2026
Người gửi mẫu : Nguyễn Ngọc Thương
Người nhận mẫu : Nguyễn Thị Ngọc Bông

Ghi chú:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu kiểm nghiệm.
- Mẫu đựng trong chai nhựa nguyên nhãn sản phẩm. NSX: 09 tháng trước hạn sử dụng - HSD: 130726.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày **07-05-2026**

TUQ. VIỆN TRƯỞNG
P. TRƯỞNG KHOA DINH DƯỠNG - ATP



TS. Vương Ngọc Thùy

Mã số mẫu: 11425.26

THÀNH PHẦN DINH DƯỠNG			
Số lượng khẩu phần			
Khẩu phần			330ml
			% giá trị dinh dưỡng tham chiếu
Năng lượng	146,92	Kcal	7,35%
Chất đạm	0,33	g	0,66%
Carbohydrat	36,40	g	11,20%
Đường tổng số	36,17	g	
Chất béo	0	g	0%
Natri	117,48	mg	5,87%
% giá trị dinh dưỡng tham chiếu được tính dựa trên nhu cầu năng lượng hàng ngày 2.000 Kcal.			
Năng lượng mỗi gam			
Chất béo 9 kcal	Carbohydrat 4 kcal		Chất đạm 4 kcal

